NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 136 /HĐQT-NHCT2.1	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v Công bố thông tin Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của VietinBank	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**
Mã chứng khoán: CTG
Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 39421030 Fax: 024 39421032
Website: https://vietinbank.vn
Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Trần Minh Bình** - Chủ tịch HĐQT VietinBank
Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 39421030 Fax: 024 39421032
Loại thông tin công bố: ■ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 18/01/2022, HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã ban hành Quyết định số 083 /2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1 về việc ban hành mới **"Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam", Mã số: QC.02.01.I**, thay thế Quy định Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mã số Qđ.44.01.I, ban hành kèm theo Quyết định số 1750/2015/QĐ-HĐQT-NHCT44 ngày 30/12/2015 của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 18/01/2022 tại đường dẫn https://investor.vietinbank.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trần Minh Bình

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: NHCT99, NHCT2.1.

Tài liệu đính kèm:
- Quyết định số 083 /2022/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 18/01/2022 của HĐQT VietinBank.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 083 /2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam"
Mã số: QC.02.01.I

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Căn cứ các văn bản liên quan đến việc thực hiện công bố thông tin, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 024 /NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 18 /01 /2022 của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc Phê duyệt ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Mã số: QC.02.01.I.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam". Mã số QC.02.01.I.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 1750/2015/QĐ-HĐQT-NHCT44 ngày 30/12/2015 về việc ban hành Quy định Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Mã số Qđ.44.01.I.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành; Giám đốc Khối nghiệp vụ; Trưởng Phòng, Ban, Trung tâm, Đơn vị tại Trụ sở chính; Trưởng Văn phòng đại diện,

Giám đốc Chi nhánh; Đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Q. Chánh VP HĐQT;
- Lưu VP, Ban TK HĐQT&QHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Minh Bình

VietinBank	**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**		
	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	**Mã số: QC.02.01.I**	Lần sửa đổi: 00
		Tổng số trang: 28	Ngày sửa đổi: 18/01/2022

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ SOẠN THẢO:

NGƯỜI SOẠN THẢO	**NGƯỜI KIỂM TRA**	
Chữ ký:	**Chữ ký:**	**Chữ ký:**
Họ và tên: **Quản Lê Phương Quy** Chức vụ: **Thư ký Hội đồng quản trị**	Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu Trang** Chức vụ: **Phó Ban TK HĐQT & QHCĐ**	Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ Linh** Chức vụ: **Trưởng Ban TK HĐQT & QHCĐ**

ĐƠN VỊ THAM GIA RÀ SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	PHÒNG, BỘ PHẬN	CHỮ KÝ
1	Đặng Thị Việt Hà	Trưởng phòng	Phòng Quản lý tuân thủ	
2	Ngô Xuân Hoài	Trưởng phòng	Phòng Quản lý Kế toán tài chính	
3	Đường Ngọc Dũng	P. Trưởng phòng	Phòng Phát triển Nhân sự	
4	Hà Thu Phương	P. Trưởng phòng	Phòng Thị trường vốn	
5	Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng	Phòng Pháp Chế	

NGƯỜI DUYỆT KẾT QUẢ SOẠN THẢO, RÀ SOÁT

Chữ ký:

Họ và tên: Dương Văn Quân
Chức vụ: Quyền Chánh Văn phòng HĐQT

THEO DÕI SỬA ĐỔI VĂN BẢN:

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	VỊ TRÍ SỬA ĐỔI	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
01	20/02/2010	Toàn bộ văn bản	Ban hành mới, thay thế Quyết định số 344/QĐ-HĐQT-NHCT26 ngày 26/6/2009	
02	31/05/2012	Toàn bộ văn bản	Ban hành mới, thay thế Quyết định số 219/QĐ-HĐQT-NHCT26 ngày 20/02/2010	
03	30/12/2015	Toàn bộ văn bản	Ban hành mới, thay thế Quyết định số 1313/2012/QĐ-HĐQT-NHCT26 ngày 31/05/2012	
04	18/01/2022	Toàn bộ văn bản	Ban hành mới, thay thế Quyết định số 1750/2015/QĐ-HĐQT-NHCT44 ngày 30/12/2015	

MỤC LỤC

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

MÃ SỐ: QC.02.01.I

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1: Mục đích 1

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1

2.1. Phạm vi điều chỉnh 1

2.2. Đối tượng áp dụng 1

Điều 3: Các tài liệu liên quan 1

Điều 4: Các từ viết tắt 3

Điều 5: Giải thích từ ngữ 3

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ 6

Điều 6: Nguyên tắc công bố thông tin 6

Điều 7: Ngôn ngữ công bố thông tin 7

Điều 8: Người thực hiện công bố thông tin 7

Điều 9: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin 8

Điều 10: Hình thức cung cấp thông tin công bố 9

Điều 11: Công bố thông tin định kỳ 9

11.1. Công bố thông tin BCTC 9

11.2. Công bố thông tin Báo cáo thường niên 10

11.3. Công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty/Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức công ty 10

11.4. Công bố thông tin Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm 10

11.5. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên 11

Điều 12. Công bố thông tin bất thường 11

12.1. Công bố thông tin bất thường 24 giờ 11

12.2. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 11

12.3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu 12

12.4. Công bố thông tin bất thường khác 12

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu 12

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác 12

14.1. Công bố thông tin về việc chào bán, phát hành chứng khoán 12
14.1.1. Công bố thông tin về việc chào bán, phát hành trái phiếu ra công chúng 12
a. Công bố thông tin trước đợt phát hành trái phiếu ra công chúng 13
b. Công bố thông tin kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng 13
c. Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành 13
d. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng 14
14.1.2. Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế 14
a. Chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước 15
b. Chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế 16
14.1.3. Công bố thông tin liên quan đến phát hành cổ phiếu 17
a. Công bố thông tin liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 17
b. Công bố thông tin liên quan đến phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu .. 18
14.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 18
14.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ 18
14.3.1 Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình 18
14.3.2 Công bố thông tin thay đổi việc mua lại cổ phiếu 19
14.3.3 Công bố thông tin bán cổ phiếu quỹ 19
Điều 15. Công bố thông tin của các đối tượng khác **20**
15.1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank 20
15.2. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và NCLQ của người nội bộ 21
15.3. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai 23
Điều 16: Thay đổi và tạm hoãn công bố thông tin **23**
16.1. Thay đổi thông tin công bố 23
16.2. Tạm hoãn công bố thông tin 23
Điều 17: Xử lý vi phạm về công bố thông tin **24**
Điều 18: Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan **24**
18.1. Trách nhiệm chung 24
18.2. Trách nhiệm cụ thể 24
18.2.1. Người thực hiện CBTT 24
18.2.2. Ban Thư ký HĐQT & QHCĐ 24
18.2.3. Phòng QLKTTC 25

18.2.4. Phòng KTNB 26
18.2.5. Phòng QLCĐV&KHTC 26
18.2.6. Ban Chiến lược & Quản trị thay đổi 26
18.2.7. Phòng Phát triển nhân sự 26
18.2.8. Phòng Thị trường vốn 26
18.2.9. Phòng Định chế Tài chính 27
18.2.10. Ban Thương hiệu 27
18.2.11. Phòng Marketing Truyền thông 27
18.2.12. Trung tâm Công nghệ Thông tin 27
18.2.13. Các đơn vị liên quan khác 27
CHƯƠNG III: DIỀU KHOẢN THI HÀNH **28**
Điều 19: Hiệu lực thi hành **28**
Điều 20: Tổ chức thực hiện **28**

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Mã số: QC.02.01.I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 083 /2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

1.1. Quy định cụ thể về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan;

1.2. Xác định trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc công bố thông tintrên thị trường chứng khoán của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng trong việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

a. Người nội bộ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

b. Người có liên quan của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

c. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

d. Các tổ chức chính trị/tổ chức chính trị - xã hội của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Công đoàn, Đoàn thanh niên...);

e. Các Phòng/Ban/Trung tâm thuộc Trụ sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và các công ty/đơn vị trực thuộc có liên quan đến việc công bố thông tin của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Điều 3: Các tài liệu liên quan

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (**Luật Doanh nghiệp**);
- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 của Quốc hội cùng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này (**Luật các Tổ chức tín dụng**);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này (**Luật Chứng khoán**);
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (**Nghị định 153**);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (**Nghị định 155**);
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020 (**Nghị định 47**);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (**Thông tư 96**);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (**Thông tư 118**);
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (**Thông tư 122**);
- Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (**Quy chế 340**);
- Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (**Quy chế 21**);

- Quy chế niêm yết chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/3/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (**Quy chế 85**);
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (**Điều lệ VietinBank**);

Điều 4: Các từ viết tắt

- **Ban TK**: Ban Thư ký Hội đồng quản trị và Quan hệ cổ đông
- **BCTC**: báo cáo tài chính;
- **CBTT**: công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

  ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
- **HĐQT**: Hội đồng Quản trị;
- **HNX**: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **HOSE**: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- **NCLQ**: người có liên quan;
- **NHNN**: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- **Phòng KTNB**: Phòng Kiểm toán nội bộ;
- **Phòng QLCĐV&KHTC**: Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính;
- **Phòng QLKTTC**: Phòng Quản lý Kế toán Tài chính;
- **SGDCK**: Sở Giao dịch chứng khoán;
- **TMCP**: thương mại cổ phần;
- **TPDN**: trái phiếu doanh nghiệp
- **TPRCC**: trái phiếu ra công chúng
- **TTCK**: thị trường Chứng khoán;
- **UBCKNN**: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- **VietinBank**: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- **VSD**: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Điều 5: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

5.1 **Người nội bộ của VietinBank**: bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng

giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm, Người đại diện theo pháp luật, Thư ký VietinBank, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền CBTT của VietinBank;

5.2 **Người có liên quan**: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. VietinBank và Người nội bộ của VietinBank;

b. VietinBank và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của VietinBank;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Công ty con: là công ty thuộc một trong các trường hợp sau: (i) công ty do VietinBank hoặc VietinBank và NCLQ của VietinBank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) VietinBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; (iii) VietinBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó; (iv) VietinBank và NCLQ của VietinBank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty con;

g. Tổ chức, cá nhân khác là NCLQ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật các Tổ chức tín dụng.

5.3 **Công bố thông tin định kỳ**: là việc VietinBank CBTT vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật;

5.4 **Công bố thông tin bất thường**: là việc VietinBank CBTT trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật;

5.5 **Công bố thông tin theo yêu cầu**: là việc VietinBank CBTT khi có yêu cầu của UBCKNN hoặc của SGDCK nơi VietinBank niêm yết, đăng ký giao dịch;

5.6 **Cổ đông lớn**: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank;

5.7 **Ban TK**: là đơn vị đầu mối thực hiện hoạt động CBTT của VietinBank;

5.8 **Các đơn vị liên quan**: là các Phòng/Ban/Trung tâm thuộc Trụ sở chính, các Văn

phòng đại diện, Chi nhánh, Đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc VietinBank liên quan đến việc CBTT tại Quy chế này;

5.9 **Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT của VietinBank** bao gồm:

a. Người nội bộ của VietinBank theo quy định tại Khoản 5.1 Điều này và NCLQ của Người nội bộ;

b. Cổ đông lớn, nhóm NCLQ sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank;

c. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank;

d. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của VietinBank;

e. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của VietinBank.

5.10 **Ngày CBTT**: là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

5.11 **Ngày báo cáo về việc CBTT**: là ngày gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên các phương tiện CBTT nêu tại Khoản 9.1 Điều 9 Quy chế này hoặc ngày UBCKNN, HOSE, HNX, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, NHNN nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT, tùy theo thời điểm nào đến trước;

5.12 **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận**: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

5.13 **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán**: là ngày được xác định như sau:

a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

5.14 **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán**: là ngày được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSD trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSD;

e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

f. Là ngày VietinBank xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSD và không thực hiện qua SGDCK.

5.15 **Ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu**: là ngày VietinBank hoàn thành việc phân phối trái phiếu và thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6: Nguyên tắc công bố thông tin

6.1. Việc CBTT của VietinBank phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của VietinBank; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội. Thông tin công bố phải đảm bảo thống nhất về dữ liệu. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

6.2. Đối tượng CBTT của VietinBank nêu tại mục 5.9 Điều 5 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT của VietinBank phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

6.3. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, HOSE, HNX về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 6.1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và HOSE 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và HOSE thực hiện công khai thông tin;

6.4. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời trên trang thông tin điện tử website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank (https://investor.vietinbank.vn), phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo CBTT qua mạng điện tử của VietinBank có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

6.5. Người thực hiện CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 8 Quy chế này;

6.6. Việc CBTT của tổ chức, cá nhân là Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT của VietinBank theo quy định tại Khoản 5.9, Điều 5 Quy chế này do tổ chức, cá nhân đó tự thực hiện hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện.

6.7. VietinBank có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank tối thiểu là 05 năm.

Điều 7: Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thông tin công bố trên TTCK là tiếng Việt. VietinBank được khuyến khích CBTT bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế CBTT của HOSE, UBCKNN. Trường hợp CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 8: Người thực hiện công bố thông tin

8.1. Người thực hiện CBTT là Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ VietinBank hoặc Người được uỷ quyền CBTT. Trường hợp phát sinh sự kiện

CBTT mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;

8.2 Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố.

8.3. Việc uỷ quyền CBTT được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

8.4. Trường hợp thực hiện CBTT thông qua người được uỷ quyền, VietinBank phải báo cáo với UBCKNN, HNX và HOSE *(Mẫu QC 02 01.I/BM01* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và gửi Giấy ủy quyền theo Mẫu QC.02.01.I/BM02 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này đến NHNN và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank;

8.5. VietinBank phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và HOSE trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo Mẫu QC.02.01.I/BM01 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và Bản cung cấp thông tin theo Mẫu QC.02.01.I/BM03 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 9: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

9.1. Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện sau:

a. Trang thông tin điện tử (website) Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank: https://investor.vietinbank.vn;

b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;

c. Cổng thông tin điện tử của HOSE, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của HOSE;

d. Cổng thông tin điện tử của HNX, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của HNX;

e. Trang thông tin điện tử của VSD;

f. Cổng hoặc trang thông tin điện tử của NHNN;

g. Cổng thông tin doanh nghiệp điện tử do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và vận hành;

h. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

9.2. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, VietinBank thực hiện CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

9.3. VietinBank không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, HOSE, HNX trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại Khoản 1, Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 10: Hình thức cung cấp thông tin công bố

10.1. Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được thực hiện bằng văn bản giấy, đính kèm file nội dung theo yêu cầu gửi đến HOSE, HNX và các cơ quan/tổ chức khác cần báo cáo (qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp). Đồng thời, các thông tin cũng được gửi bằng bản mềm qua đường email cho người có trách nhiệm tại HOSE, HNX và các cơ quan/tổ chức khác cần báo cáo.

10.2. Ngoài việc CBTT quy định tại Khoản 10.1 Điều này, VietinBank phải thực hiện CBTT đồng thời trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, HOSE, HNX, Cổng thông tin doanh nghiệp và cổng thông tin của NHNN (nếu có) theo quy định.

Điều 11: Công bố thông tin định kỳ

11.1. Công bố thông tin BCTC

BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Việc CBTT BCTC của VietinBank được áp dụng đối với BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất của VietinBank.

a. *BCTC năm đã được kiểm toán:* CBTT trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Toàn văn BCTC năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của VietinBank trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC

b. *BCTC bán niên đã được soát xét (theo chuẩn mực soát xét BCTC)*: CBTT trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Toàn văn BCTC bán niên đã được soát xét phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của VietinBank trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c. *BCTC quý:* CBTT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. BCTC quý được soát xét (nếu có) được CBTT trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét, nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Khi CBTT các BCTC nêu tại các Điểm a, b, c trên đây, VietinBank phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ **10%** trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ **5%** trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

11.2. Công bố thông tin Báo cáo thường niên

Báo cáo thường niên của VietinBank được lập theo *Mẫu QC.02.01.I/BM05* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và được CBTT trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

11.3. Công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty/Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức công ty

a. Báo cáo tình hình quản trị công ty của VietinBank được lập theo *Mẫu QC.02.01.I/BM06* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và được CBTT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

b. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của VietinBank được lập theo *Mẫu QC.02.01.I/BM07* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và được CBTT trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

c. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức năm của VietinBank được lập theo *Mẫu QC.02.01.I/BM08* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và được CBTT trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

11.4. Công bố thông tin Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm

Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm của VietinBank được lập theo *Mẫu QC.02.01.I/BM09* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và được CBTT trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

11.5. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên

a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên, VietinBank phải công bố trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank, Hệ thống CBTT của UBCKNN và Hệ thống CBTT của HOSE về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b. CBTT Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, VietinBank phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

12.1. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

a. VietinBank phải thực hiện CBTT trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện được nêu tại Mục B.1, Phụ lục 01 Quy chế này.

b. Khi CBTT theo quy định theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, VietinBank phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

12.2. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

12.2.1. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường

Thực hiện như quy định tại Khoản 11.5, Điều 11 Quy chế này.

12.2.2. Công bố thông tin về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ: CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank và gửi cho tất cả các cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

b. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết: CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi kết thúc việc lấy ý kiến bằng văn

bản. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, VietinBank phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

12.3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a. VietinBank thực hiện CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản này;

b. VietinBank thực hiện CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

12.4. Công bố thông tin bất thường khác

a. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, VietinBank phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại Khoản 11.1, Điều 11 Quy chế này.

b. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, VietinBank công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu

13.1 VietinBank thực hiện CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE, trong các trường hợp sau đây:

a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến VietinBank ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

13.2 Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, HOSE yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của VietinBank về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác

14.1. Công bố thông tin về việc chào bán, phát hành chứng khoán

14.1.1. Công bố thông tin về việc chào bán, phát hành trái phiếu ra công chúng

Trường hợp VietinBank thực hiện phát hành TPRCC thì thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, cụ thể như sau:

a. Công bố thông tin trước đợt phát hành trái phiếu ra công chúng

(i) CBTT Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT VietinBank thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt phát hành TPRCC: trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định.

(ii) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp có hiệu lực, VietinBank thực hiện CBTT các tài liệu sau trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE và HNX :

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp;
- Thông báo phát hành TPRCC *(Mẫu QC.02.01.I/BM10* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*, đồng thời đăng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3, Điều 25, Luật Chứng khoán;
- Bản cáo bạch chào bán TPRCC chính thức *(Mẫu QC.02.01.I/BM11* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*.

b. Công bố thông tin kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán TPRCC, VietinBank phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN theo quy định tại khoản 5, Điều 26, Luật Chứng khoán và CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE và HNX về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán TPRCC thực hiện theo *Mẫu QC.02.01.I/BM12* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

c. Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành

(i) Đối với trường hợp huy động phần vốn, số tiền để thực hiện dự án, VietinBank phải báo cáo và CBTT về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động, cụ thể như sau:

- Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, VietinBank phải báo cáo UBCKNN về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát

hành để thực hiện dự án theo *Mẫu QC.02.01.I/BM14* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE và HNX trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên;

- Báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận.

(ii) Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua. HĐQT chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được ĐHĐCĐ ủy quyền và theo quy định tại Điều lệ VietinBank, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được HĐQT thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

(iii) Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Tiết (ii), Điểm c, Khoản 14.1.1, Điều này về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, VietinBank có trách nhiệm:

- Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành (*Mẫu QC.02.01.I/BM13* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này);
- CBTT trên cổng thông tin điện tử của HOSE, HNX và website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank về lý do thay đổi kèm theo quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi.

(iv) CBTT về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch *(Mẫu QC.02.01.I/BM15* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này).

d. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng

(i) CBTT Quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng của VietinBank do HNX cấp.

(ii) CBTT Thông báo ngày giao dịch của trái phiếu phát hành ra công chúng.

14.1.2. Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

a. *Chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước*

(i) *Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu*

- CBTT Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc VietinBank liên quan đến phát hành trái phiếu riêng lẻ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định.
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, VietinBank thực hiện CBTT trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM16* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)* và gửi nội dung CBTT cho HOSE và HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX.

(ii) *Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu*

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, VietinBank thực hiện CBTT về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM17* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)* cho UBCKNN và gửi nội dung CBTT đến HOSE và HNX.

(iii) *Công bố thông tin định kỳ*

- Định kỳ 06 tháng và hằng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, VietinBank gửi nội dung CBTT định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu, HOSE và HNX.
  + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, VietinBank thực hiện CBTT định kỳ 06 tháng.
  + Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VietinBank thực hiện CBTT định kỳ hằng năm.
- Nội dung CBTT thực hiện theo *Mẫu QC.02.01.I/BM18* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và bao gồm các tài liệu sau:
  + BCTC 06 tháng, BCTC năm đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); BCTC năm chưa kiểm toán và BCTC 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT xác nhận số liệu.
  + Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.
  + Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu.

(iv) *Công bố thông tin bất thường*

Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, VietinBank phải CBTT bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT cho HOSE và HNX:

+ Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

+ Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.

(v) Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

- Trường hợp VietinBank phát hành trái phiếu chuyển đổi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, VietinBank có trách nhiệm gửi nội dung CBTT cho HOSE và HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM19* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*;
- Trường hợp VietinBank mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:
  + Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, VietinBank phải CBTT cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  + Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, VietinBank có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung CBTT cho HOSE và HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM19* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*.

b. Chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

(i) Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

VietinBank thực hiện việc CBTT theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định 153. Cụ thể như sau:

- CBTT Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định.
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, VietinBank gửi nội dung CBTT trước đợt chào bán *(Mẫu QC.02.01.I/BM16* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)* cho HOSE và HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX.

(ii) Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, VietinBank gửi thông tin về kết quả chào bán cho HOSE và HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX. Nội dung CBTT về kết quả chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện

theo *Mẫu QC.02.01.I/BM20* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

(iii) Công bố thông tin định kỳ

- Định kỳ 06 tháng và hằng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, VietinBank gửi nội dung CBTT định kỳ cho HOSE và HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX.
  + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, VietinBank thực hiện CBTT định kỳ 06 tháng;
  + Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VietinBank thực hiện CBTT định kỳ hằng năm.
- Nội dung CBTT định kỳ theo *Mẫu QC.02.01.I/BM18* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và bao gồm các tài liệu sau:
  + BCTC 06 tháng, BCTC năm đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); BCTC năm chưa kiểm toán và BCTC 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT xác nhận số liệu. BCTC bao gồm cả báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng lẻ;
  + Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;
  + Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, VietinBank phải nêu cụ thể việc thay đổi mục đích sử dụng vốn và lý do thay đổi;
  + Báo cáo về thông tin bất thường của VietinBank (nếu có);
- Nội dung CBTT việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu trong kỳ (nếu có) theo *Mẫu QC.02.01.I/BM19* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

14.1.3. Công bố thông tin liên quan đến phát hành cổ phiếu

a. Công bố thông tin liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, VietinBank phải công bố Bản thông báo phát hành *(Mẫu QC.02.01.I/BM21* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)* trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE. Việc CBTT trên phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành. Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.

(ii) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, VietinBank phải gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành *(Mẫu QC.02.01.I/BM22* Phụ lục 02 ban hành kèm

theo Quy chế này) cho UBCKNN và CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE về kết quả đợt phát hành.

b. *Công bố thông tin liên quan đến phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu*

VietinBank thực hiện CBTT liên quan đến phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo các quy định pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng. Cụ thể như sau:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực, VietinBank thực hiện CBTT các tài liệu sau trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank và cổng thông tin điện tử của HOSE:

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp;
- Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng *(Mẫu QC.02.01.I/BM23* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*: đồng thời đăng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại Khoản 3, Điều 25, Luật Chứng khoán;
- Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng chính thức *(Mẫu QC.02.01.I/BM24* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*.

(ii) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, VietinBank phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng *(Mẫu QC.02.01.I/BM25* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)* kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Chứng khoán và CBTT trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank và cổng thông tin điện tử của HOSE về kết quả đợt chào bán.

14.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VietinBank và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, cổng thông tin điện tử của HOSE, VSD và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam

14.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

14.3.1 Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình

VietinBank thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình như sau:

(i) CBTT Văn bản chấp thuận của NHNN về việc VietinBank mua lại cổ phiếu của chính mình dẫn đến việc giảm vốn điều lệ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được Văn bản của NHNN;

(ii) CBTT Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có Quyết định của ĐHĐCĐ;

(iii) CBTT Quyết định của HĐQT thông qua phương án triển khai mua lại cổ phiếu của VietinBank trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định của HĐQT;

(iv) CBTT Văn bản thông báo của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được Văn bản;

(v) CBTT về việc mua lại cổ phiếu theo *Mẫu QC.02.01.I/BM26* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo cho VietinBank về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu.

(vi) VietinBank được thực hiện mua lại cổ phiếu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày CBTT. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, VietinBank phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo *Mẫu QC.02.01.I/BM27* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này. Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, VietinBank phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

(vii) Trường hợp VietinBank mua lại cổ phiếu của chính mình: sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì VietinBank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

14.3.2 Công bố thông tin thay đổi việc mua lại cổ phiếu

a. VietinBank phải báo cáo UBCKNN và CBTT trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu đã được UBCKNN chấp thuận và CBTT trước đó. Nội dung báo cáo và CBTT thực hiện theo *Mẫu QC.02.01.I/BM28* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

b. CBTT Văn bản chấp thuận của UBCKNN về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản.

c. CBTT về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu theo *Mẫu QC.02.01.I/BM29* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu.

14.3.3 Công bố thông tin bán cổ phiếu quỹ

a. Trường hợp VietinBank mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông thì được bán cổ phiếu quỹ sau 24 giờ kể từ khi gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu, Báo cáo kết quả phát

hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCKNN và CBTT ra thị trường.

b. VietinBank phải hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN và CBTT về việc bán cổ phiếu quỹ theo *Mẫu QC.02.01.I/BM26* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

c. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại Tiết a, Điểm 14.3.3 Quy chế này, VietinBank phải gửi Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ cho UBCKNN và CBTT theo *Mẫu QC.02.01.I/BM27* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 15. Công bố thông tin của các đối tượng khác

15.1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank

a. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, HOSE và VietinBank trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn *(Mẫu QC.02.01.I/BM30* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*;

b. Cổ đông lớn, nhóm NCLQ nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại VietinBank khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm): CBTT và báo cáo UBCKNN, HOSE, VietinBank trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi *(Mẫu QC.02.01.I/BM31* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này*)*;

c. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Điểm a và Điểm b, Khoản này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 14, Điều 5, Quy chế này.

d. Quy định tại Điểm a, b và c, Khoản này cũng áp dụng đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank thực hiện CBTT theo *Mẫu QC.02.01.I/BM32* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và *Mẫu*

QC.02.01.I/BM33 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

e. Quy định tại Điểm a, b, c và d, Khoản này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do VietinBank mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc VietinBank phát hành thêm cổ phiếu.

f. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều 15.1 này, VietinBank phải công bố trên website Quan hệ Nhà đầu tư của mình.

15.2. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và NCLQ của người nội bộ

a. Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ phải CBTT và báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, HOSE và VietinBank khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu VietinBank) hoặc theo giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu VietinBank, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VietinBank), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HOSE (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...), cụ thể như sau:

(i) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo *Mẫu QC.02.01.I/BM34* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này hoặc *Mẫu QC.02.01.I/BM35* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này;

(ii) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do HOSE đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HOSE;

(iii) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Tiết (ii), Điểm a, Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

(iv) Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu VietinBank, quyền mua cổ phiếu VietinBank, trái phiếu chuyển đổi của VietinBank, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VietinBank trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là NCLQ của Người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký.

(v) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo *Mẫu QC.02.01.I/BM36* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này *hoặc Mẫu QC.02.01.I/BM37* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này;

(vi) Người nội bộ và NCLQ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điểm này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Khoản 15.1, Điều này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ và NCLQ.

b. Người nội bộ và NCLQ không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điểm a, Khoản 15.2, Điều này nhưng là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Khoản 15.1, Điều này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Khoản 15.1, Điều này;

c. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại Tiết (i), (ii) và (iv), Điểm a, Khoản 15.2, Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là Người nội bộ hoặc NCLQ của Người nội bộ của VietinBank;

d. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ hoặc NCLQ của Người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại điểm a Khoản 15.2 Điều này;

e. Trường hợp Công ty chứng khoán là NCLQ của Người nội bộ của VietinBank, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu VietinBank phải báo cáo UBCKNN, HOSE, VietinBank trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

f. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ, VietinBank phải công bố trên website Quan hệ Nhà đầu tư của mình.

15.3. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu VietinBank (nếu có) và VietinBank phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai. Các nghĩa vụ CBTT đối với VietinBank trong trường hợp cổ phiếu CTG là đối tượng được chào mua công khai như sau:

a. CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức, cá nhân thực hiện việc chào mua công khai cổ phiếu CTG trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.

b. CBTT về đánh giá, khuyến nghị của HĐQT VietinBank đối với đề nghị chào mua công khai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN.

c. Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT VietinBank đối với việc chào mua công khai cổ phiếu CTG phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác thì HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.

Điều 16: Thay đổi và tạm hoãn công bố thông tin

16.1. Thay đổi thông tin công bố

Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đơn vị liên quan phải (i) Thông báo cho Ban TK; (ii) Báo cáo Người thực hiện CBTT và (iii) Có văn bản giải trình trong đó bao gồm đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó được Người thực hiện CBTT phê duyệt, (iv) chuyển văn bản giải trình được Người thực hiện CBTT phê duyệt cho Ban TK thực hiện CBTT theo quy định.

16.2. Tạm hoãn công bố thông tin

a. Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác, VietinBank phải báo cáo UBCKNN, HOSE về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy

ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

b. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, VietinBank có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 17: Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các đơn vị/cá nhân có liên quan đến việc CBTT của VietinBank có hành vi vi phạm Quy chế CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 18: Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

18.1. Trách nhiệm chung

a. Mọi cá nhân và đơn vị liên quan đến CBTT của VietinBank có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này và các quy định có liên quan của VietinBank và pháp luật;

b. Đơn vị chuẩn bị nội dung thông tin công bố cần chuẩn bị các tài liệu CBTT theo đúng biểu mẫu quy định, đầy đủ nội dung và gửi Ban TK đúng thời hạn theo Quy chế này; phối hợp chặt chẽ với Ban TK để thực hiện CBTT đúng quy định;

c. Các cá nhân và Trưởng các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung thông tin cần công bố chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ của các thông tin được công bố, tuân thủ theo phạm vi nhiệm vụ được giao và các quy định của VietinBank;

18.2. Trách nhiệm cụ thể

18.2.1. Người thực hiện CBTT

a. Kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của nội dung báo cáo, thông tin công bố; yêu cầu chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo trong trường hợp cần thiết;

b. Đảm bảo thực hiện CBTT đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Ký duyệt báo cáo, thông tin công bố trước khi thực hiện CBTT;

d. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

18.2.2. Ban Thư ký HĐQT & QHCĐ

a. Đầu mối thực hiện các công việc sau:

- Tiếp nhận, rà soát thông tin công bố do các đơn vị liên quan cung cấp;

- Hướng dẫn Người nội bộ, NCLQ của Người nội bộ và cổ đông lớn thực hiện việc CBTT giao dịch theo quy định;
- Chuẩn bị các thông tin công bố liên quan đến việc thực hiện quyền cổ đông;
- Chuẩn bị các thông tin công bố bằng tiếng Anh (để thực hiện CBTT trên trang tiếng Anh website Quan hệ nhà đầu tư VietinBank).

b. Lập Báo cáo thường niên của VietinBank theo quy định của pháp luật;

c. Lập Báo cáo tình hình Quản trị công ty của VietinBank/Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức định kỳ 06 tháng và năm theo quy định của pháp luật;

d. Trình Người thực hiện CBTT ký các công văn CBTT đối với các thông tin được nêu tại Điểm a, b, Khoản này để thực hiện CBTT theo quy định;

e. Gửi công văn CBTT đã được Người thực hiện CBTT phê duyệt tới UBCKNN, HOSE và thực hiện CBTT trên website Nhà đầu tư của VietinBank (https://investor.vietinbank.vn); Hệ thống CBTT của UBCKNN (IDS) và Hệ thống CBTT của HOSE (ECM);

f. Phối hợp với Ban Thương hiệu và Phòng Marketing Truyền Thông – Khối Marketing & Truyền Thông thực hiện việc đăng tải các thông tin công bố (đã được Người thực hiện CBTT phê duyệt) theo quy định trên các ấn phẩm thông tin của VietinBank và phương tiện thông tin đại chúng.

18.2.3. Phòng QLKTTC

a. Lập các BCTC quý, bán niên và BCTC năm theo hướng dẫn tại các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo tuân thủ thời hạn CBTT theo quy định;

b. Đầu mối, phối hợp với Phòng QLCĐV&KHTC lập văn bản giải trình nguyên nhân trong trường hợp: **(i)** Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; **(ii)** Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; và phối hợp với phòng KTNB lập văn bản giải trình nguyên nhân trong trường hợp **(iii)** Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét; hoặc tại BCTC quý 4 đã công bố so với BCTC năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại, hoặc **(iv)** Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên gửi cho Ban TK;

c. Cung cấp các BCTC đã được phê duyệt ban hành cho Ban TK trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 11 **tối thiểu 01 (một) ngày làm việc.**

d. Thực hiện nhập dữ liệu (web-form) các BCTC (BCTC quý, BCTC bán niên soát xét, BCTC năm kiểm toán) trên cổng thông tin báo cáo điện tử của UBCKNN (IDS), HOSE (ECM), Cổng thông tin doanh nghiệp và trang thông tin điện tử của NHNN.

18.2.4. Phòng KTNB

a. Phối hợp với Phòng QLKTTC làm văn bản giải trình nguyên nhân trong trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 18.2.3 Quy chế này.

b. Cung cấp các BCTC bán niên và BCTC năm đã được soát xét, kiểm toán (bao gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh) cho Ban TK trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 11 Quy chế này **tối thiểu 02 (hai) ngày làm việc**.

18.2.5. Phòng QLCĐV&KHTC

a. Đầu mối thực hiện Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm (theo *Mẫu QC.02.01.I/BM09* Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này), trình Ban Lãnh đạo phê duyệt và chuyển cho Ban TK trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 11.4 Quy chế này **tối thiểu 01 (một) ngày làm việc;**

b. Phối hợp với Phòng QLKTTC làm văn bản giải trình nguyên nhân trong trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 18.2.3 Quy chế này.

c. Cung cấp cho Ban TK các nội dung CBTT liên quan và theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

18.2.6. Ban Chiến lược & Quản trị thay đổi

Cung cấp các thông tin liên quan đến (i) chiến lược và (ii) kế hoạch phát triển trung hạn của ngân hàng (đã được phê duyệt để CBTT) cho Ban TK trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 11 và Khoản 1, Điều 12 Quy chế này **tối thiểu 01 (một) ngày làm việc**.

18.2.7. Phòng Phát triển nhân sự

Thông báo cho Ban TK để đảm bảo CBTT đúng thời hạn theo quy định tại Điều 12.1 Quy chế này, **tối thiểu 01 (một) ngày làm việc** trước ngày phát sinh các sự kiện được quy định tại Mục B.1, Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

18.2.8. Phòng Thị trường vốn

a. Gửi tài liệu cần CBTT cho Ban TK để đảm bảo CBTT đúng thời hạn, **chậm nhất trước 15h** của ngày phát sinh các sự kiện theo quy định tại Khoản 14.1.1 và Khoản 14.1.2 - Điều 14 Quy chế này (nếu có);

b. Thực hiện CBTT đối với các nội dung liên quan đến trái phiếu (trước và sau phát hành) trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX theo quy định pháp luật về phát hành trái phiếu.

18.2.9. Phòng Định chế Tài chính

Phối hợp với Ban TK thực hiện việc dịch Báo cáo thường niên của VietinBank sang tiếng Anh để đảm bảo tiến độ hoàn thành Báo cáo thường niên của VietinBank theo phê duyệt của Ban Lãnh đạo và tiến độ CBTT theo quy định.

18.2.10. Ban Thương hiệu

Là đơn vị đầu mối, phối hợp với Ban TK xây dựng Thông cáo báo chí (nếu có), thực hiện đăng tải các thông tin công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng; theo dõi, kiểm soát, xử lý rủi ro thông tin (nếu có) trên các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội liên quan tới các thông tin đã được VietinBank công bố theo quy định và thông tin về cổ phiếu CTG sau khi được Người thực hiện CBTT phê duyệt.

18.2.11. Phòng Marketing Truyền thông

Phối hợp với Ban TK thực hiện việc đăng tải các thông tin công bố theo quy định trên các ấn phẩm thông tin của VietinBank và website VietinBank sau khi được Người thực hiện CBTT phê duyệt căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của Đơn vị được quy định trong từng thời kỳ.

18.2.12. Trung tâm Công nghệ Thông tin

Thực hiện việc hỗ trợ đường truyền và hạ tầng công nghệ theo yêu cầu của Ban TK để phục vụ việc CBTT theo dạng web-form (tải thông tin công bố của VietinBank lên website của HOSE) theo mẫu quy định của HOSE (hệ thống ECM), CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN (IDS), Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch & Đầu tư (nếu có), Cổng hoặc trang thông tin điện tử của NHNN (nếu có) và website Quan hệ Nhà đầu tư.

18.2.13. Các đơn vị liên quan khác

Cung cấp thông tin về các sự kiện phải CBTT bất thường (nếu có) cho Ban TK **chậm nhất trước 16h của ngày phát sinh sự kiện** để đảm bảo CBTT đúng thời hạn theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19: Hiệu lực thi hành

19.1. Các nội dung liên quan đến hoạt động CBTT trên TTCK tại các văn bản khác do VietinBank ban hành trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.

19.2. Đối với các nghiệp vụ chuyên môn khác đã có quy định, hướng dẫn cụ thể về hoạt động CBTT, các Đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định, hướng dẫn cụ thể đối với nghiệp vụ, chuyên môn đó.

19.3. Trường hợp: (i) có những quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động CBTT của VietinBank chưa được đề cập trong Quy chế này; hoặc (ii) các tài liệu liên quan nêu tại Điều 3, Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; hoặc (iii) có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì các quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động CBTT trên TTCK của VietinBank.

Điều 20: Tổ chức thực hiện

20.1. Các Đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động CBTT trên TTCK trong hệ thống VietinBank có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

20.2. Việc thay thế, sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT VietinBank quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100111948 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Trần Minh Bình

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Đính kèm Quy chế CBTT trên TTCK của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 083/2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 18/01/2022 của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
A	CBTT định kỳ				
A.1.	**Định kỳ**	**Báo cáo tài chính**			
A.1.a.	Định kỳ	BCTC năm riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán	Trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá **90 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- P. QLKTTC - P. KTNB
A.1.b.	Định kỳ	BCTC bán niên riêng lẻ và hợp nhất đã được soát xét	Trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá **60 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- P. QLKTTC - P. KTNB
A.1.c.	Định kỳ	Báo cáo tài chính quý riêng lẻ và hợp nhất	Trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày kết thúc quý. BCTC quý được soát xét (nếu có) được CBTT trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét, nhưng không được vượt quá **45 ngày**, kể từ ngày kết thúc quý.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. QLKTTC

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
Khi CBTT các BCTC nêu tại các Điểm a, b, c trên đây, VietinBank phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ **10%** trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ **5%** trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. QLKTTC - P. QLCĐV & KHTC - P. KTNB
A.2	**Định kỳ**	**Báo cáo thường niên** *(Mẫu QC.02.01.I/BM05)*	Trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá **110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Theo Tờ trình phân công nhiệm vụ thực hiện BCTN hằng năm được BLĐ phê duyệt	- Ban TK - Các đơn vị được phân công nhiệm vụ
A.3	**Định kỳ**	**Báo cáo tình hình quản trị công ty/ Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức**			
A.3.a.	Định kỳ	Báo cáo tình hình quản trị công ty *(Mẫu QC.02.01.I/BM06)*	Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.		- Ban TK - Đơn vị đầu mối quản lý thông tin cần công bố trong báo cáo.
A.3.b.	Định kỳ	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng *(Mẫu QC.02.01.I/BM07)*	Trước ngày **31/7** hàng năm.		
A.3.c.	Định kỳ	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức năm	Trước ngày **30/6** của năm liền sau năm thực hiện.		

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		(Mẫu QC.02.01.I/BM08)			
A.4	**Định kỳ**	**Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm** *(Mẫu QC.02.01.I/BM09)*	Trước ngày **30/6** của năm liền sau năm thực hiện.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. QLCDV & KTTC
A.5	**Định kỳ**	**Thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên**			
A.5.a.		VietinBank phải công bố trên website Quan hệ Nhà đầu tư của VietinBank, Hệ thống CBTT của UBCKNN và Hệ thống CBTT của HOSEvề việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Tối thiểu **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).	Theo Tờ trình phân công nhiệm vụ tổ chức ĐHĐCĐ được Ban lãnh đạo phê duyệt	- Ban TK - Các đơn vị được phân công nhiệm vụ
A.5.b.	24 giờ	Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết	Trong vòng **24 giờ**, kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
B	CBTT bất thường				
B.1.	**Thông tin bất thường**				
B.1.a.	24 giờ	Tài khoản của VietinBank bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính VietinBank.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	Đơn vị quản lý tài khoản ở cấp VietinBank/Chi nhánh
B.1.b.	24 giờ	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi VietinBank có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động. Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	P. PTNS

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		hoạt động, VietinBank thực hiện CBTT theo *Mẫu QC.02.01.I/BM38* ban hành kèm theo Quy chế này và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động thay đổi.			
B.1.c.	24 giờ	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, VietinBank phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra		Ban TK
B.1.d.	24 giờ	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự	- Ban TK - P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.		kiện	
B.1.e.	24 giờ	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra		Ban TK
B.1.f.	24 giờ	Quyết định về việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình), giải thể, phá sản; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên, thay đổi con dấu của VietinBank; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Tối thiểu **01 ngày** làm việc trước ngày phát sinh sự kiện	- P. PTNS - P. CSNS & PTTC - Ban Chiến lược - P. QLCDV & KIITC - Văn phòng VietinBank

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VietinBank.			
B.1.g.	24 giờ	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký hoặc bị từ chối kiểm toán BCTC.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	- P. QLKTTC - Đơn vị đầu mối trình
B.1.h.	24 giờ	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con,	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết			
B.1.i.	24 giờ	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa VietinBank với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của VietinBank	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	- Ban TK - Đơn vị đầu mối trình
B.1.j.	24 giờ	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau: + Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu: tính từ thời điểm VietinBank báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; + Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ: tính từ thời điểm VietinBank báo cáo kết quả	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	- Ban TK - P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; + Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VietinBank hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông: CBTT trong thời hạn **10 ngày** đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.			
B.1.k.	24 giờ	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ (CBTT theo *Mẫu QC.02.01.I/BM39* ban hành kèm theo Quy chế này); nhận đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VietinBank). Đồng thời, gửi cho UCBCKNN, HOSE Bản	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Tối thiểu **01 ngày** làm việc trước ngày phát sinh sự kiện	P. PTNS - Người nội bộ có liên quan

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo *Mẫu QC.02.01.I/BM03* trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực.			
B.1.l.	24 giờ	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn **15%** tổng tài sản của VietinBank căn cứ vào BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	Đơn vị đầu mối trình
B.1.m.	24 giờ	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	- Ban TK - P. QLCDV & KHTC
B.1.n.	24 giờ	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ **10%** trở lên trên tổng tài sản của VietinBank tại BCTC năm gần nhất được kiểm	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	- P. TTV - Đơn vị đầu mối trình

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (số liệu hợp nhất)			
B.1.o.	24 giờ	Quyết định góp vốn có giá trị từ **50%** trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
B.1.p.	24 giờ	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; quyết định kỷ luật, khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có bản án, quyết định của Tòa án đối với người nội bộ của công ty.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	P. PTNS
B.1.q.	24 giờ	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	P. Pháp chế P. CĐKT
B.1.r	24 giờ	Khi nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự	P. Pháp chế

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		thủ tục phá sản VietinBank.		kiện	
B.1.s.	24 giờ	Trường hợp VietinBank nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính mình, VietinBank phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	Đơn vị đầu mối báo cáo tại thời điểm phát sinh thông tin cần công bố
B.1.t.	24 giờ	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VietinBank.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra	Chậm nhất **trước 16h** của ngày phát sinh sự kiện	Đơn vị đầu mối báo cáo tại thời điểm phát sinh thông tin cần công bố
B.1.u.	24 giờ	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	**24 giờ** kể từ khi sự kiện xảy ra		Ban TK
B.2	**Thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường/ Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**				
B.2.a.	Bất thường	ĐHĐCĐ bất thường	Như ĐHĐCĐ thường niên.		Ban TK
B.2.b.	Bất thường	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
(i)	Bất thường	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.		Ban TK
(ii)	Bất thường	Nghị quyết ĐHĐCĐ, Biên bản kiểm phiếu và tài liệu kèm theo	Trong vòng **24 giờ**, kể từ khi kết thúc việc lấy ý kiến bằng văn		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		trong Biên bản, Nghị quyết	bản		
B.3.	**Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**				
B.3.a	Bất thường	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu **10 ngày** làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.		Ban TK
B.3.b	Bất thường	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.		Ban TK
B.4	**Thông tin bất thường khác**				
B.4.a	Bất thường	CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố	Trong thời hạn theo quy định tại Mục A.1 Phụ lục này.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- P. KTNB - P. QLKTTC
B.4.b	Bất thường	Công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá **90 ngày** kể từ ngày bắt đầu của	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- P. QLKTTC - P. KTNB

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		toán doanh nghiệp sau khi thay đổi kỳ kế toán.	năm tài chính mới.		
C	Thông tin theo yêu cầu				
C.1	24 giờ	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	**24 giờ**, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE		Ban TK
C.2	24 giờ	Có thông tin liên quan đến VietinBank ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	**24 giờ**, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE		- Ban TK - Đơn vị đầu mối báo cáo tại thời điểm phát sinh thông tin cần công bố
D	Thông tin về chào bán, phát hành chứng khoán				
D.1	**Thông tin về chào bán, phát hành trái phiếu ra công chúng**				
D.1.a	24 giờ	Quyết định về việc phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt phát hành TPRCC	**24 giờ** kể từ khi ban hành Quyết định	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
D.1.b	Theo yêu cầu	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp; - Thông báo phát hành TPRCC *(Mẫu QC.02.01.I/BM10)*; - Bản cáo bạch chào bán TPRCC chính thức *(Mẫu*	Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp có hiệu lực	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		QC 02 01 I/BM11).			
D.1.c	Theo yêu cầu	Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN và CBTT kết quả đợt chào bán TPRCC *(Mẫu QC.02.01.I/BM12)*	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.1.d	24 giờ	Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành và CBTT Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành TPRCC kèm theo lý do thay đổi *(Mẫu QC.02.01.I/BM13)*	CBTT trong thời hạn **24 giờ** kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
D.1.e	Theo yêu cầu	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành TPRCC *(Mẫu QC 02 01 I/BM14)* thực hiện	CBTT trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- P. QLCDV&KHTC - P. KTNB - P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		định kỳ **06 tháng** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được.			
D.1.f	Theo yêu cầu	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM15)*	Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.1.g	Bất thường	Quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng của VietinBank do HNX cấp	**24 giờ** kể từ thời điểm nhận được văn bản của HNX	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
D.1.h	Bất thường	Thông báo ngày giao dịch của trái phiếu phát hành ra công chúng.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết phải được đưa vào giao dịch trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày có quyết định chấp thuận niêm yết của HNX	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.2	**Thông tin về phát hành TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước**				
D.2.a	24 giờ	Quyết định phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu riêng lẻ	**24 giờ** kể từ khi ban hành Quyết định	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
D.2.b	Theo yêu cầu	CBTT trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM16)*	Trong thời hạn **01 ngày** làm việc trước ngày phát hành trái phiếu	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
D.2.c	Theo yêu cầu	CBTT về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM17)*	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.2.d	Định kỳ	CBTT định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM18)*.	- CBTT định kỳ 06 tháng trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; - CBTT định kỳ hàng năm trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.2.e	24 giờ	CBTT bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT cho HNX khi xảy ra một trong các sự kiện sau: - Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh	Trong vòng **24 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	- Ban TK - P. TTV - Đơn vị đầu mối báo cáo tại thời điểm phát sinh thông tin cần công bố

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		nghiệp - Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.			
D.2.f	Theo yêu cầu	Trường hợp VietinBank phát hành trái phiếu chuyển đổi, gửi nội dung CBTT cho HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM19)*	Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.2.g	Theo yêu cầu	CBTT cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Trong thời hạn **10 ngày** trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.2.h	Theo yêu cầu	Báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung CBTT cho HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM19)*	phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu		
D.3	**Thông tin về phát hành TPDN ra thị trường quốc tế**				
D.3.a	24 giờ	Quyết định phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	**24 giờ** kể từ khi ban hành Quyết định	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	P. TTV
D.3.b	Theo yêu cầu	Gửi nội dung CBTT trước đợt chào bán đến HNX *(Mẫu QC.02.01.I/BM16)* theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX và qua cổng thông tin điện tử của HOSE.	Trong thời hạn **01 ngày** làm việc trước ngày phát hành	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.3.c	Theo yêu cầu	Gửi thông tin về kết quả chào bán *(Mẫu QC.02.01.I/BM20)* đến HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX và qua cổng thông tin điện tử của HOSE.	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV
D.3.d	Định kỳ	Gửi nội dung CBTT định kỳ *Mẫu QC.02.01.I/BM18)* đến	CBTT định kỳ 06 tháng trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	P. TTV

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX và qua cổng thông tin điện tử của HOSE.	kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; - CBTT định kỳ hàng năm trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		
D.4	**Thông tin liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**				
D.4.a	Theo yêu cầu	CBTT Bản thông báo phát hành cổ phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM21)*	- Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành; - CBTT ít nhất **07 ngày** làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành; - Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá **45 ngày** kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.		Ban TK
D.4.b	Theo yêu cầu	CBTT Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM22)*	Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày kết thúc đợt phát hành		Ban TK
D.5	**Thông tin liên quan đến phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**				

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
D.5.a	Theo yêu cầu	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp; - Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng *(Mẫu QC.02.01.I/BM23)*; - Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng *(Mẫu QC.02.01.I/BM24)* chính thức.	Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực		- Ban TK - P. TTV
D.5.b	Theo yêu cầu	CBTT Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng *(Mẫu QC.02.01.I/BM25)*	Báo cáo UBCKNN và CBTT trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán		Ban TK
E	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài				
	Theo yêu cầu	CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VietinBank và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website Quan hệ Nhà đầu tư VietinBank, HOSE, VSD và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi nhận được văn bản		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam.			
F	Giao dịch cổ phiếu quỹ				
F.1	**Thông tin liên quan đến giao dịch mua lại cổ phiếu**				
F.1.a	24 giờ	CBTT Văn bản chấp thuận của NHNN về việc VietinBank mua lại cổ phiếu của chính mình dẫn đến việc giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi nhận được văn bản		- Ban TK - P. QLCĐV & KHTC
F.1.b	24 giờ	CBTT Quyết định của ĐHĐCD thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi có Quyết định của ĐHĐCĐ		Ban TK
F.1.c	24 giờ	CBTT Quyết định của HĐQT thông qua phương án triển khai mua lại cổ phiếu của VietinBank	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi ban hành Quyết định của HĐQT		Ban TK
F.1.d	24 giờ	CBTT Văn bản thông báo của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi nhận được văn bản		Ban TK
F.1.e	Theo yêu cầu	CBTT về việc mua lại cổ phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM26)*	Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
			nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu		
F.1.f	Theo yêu cầu	CBTT báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM27)*	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu		Ban TK
F.1.g	Theo yêu cầu	Trường hợp VietinBank mua lại cổ phiếu của VietinBank: sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn **10%** thì VietinBank phải thông báo cho tất cả các bên đi vay biết và CBTT.	Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	- Ban TK - Đơn vị được BLĐ phân công là đầu mối nghiệp vụ tại thời điểm phát sinh thông tin cần công bố
F.2	**Thông tin liên quan đến thay đổi việc mua lại cổ phiếu**				
F.2.a	24 giờ	CBTT quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu đã được UBCKNN chấp thuận và CBTT trước đó *(Mẫu QC.02.01.I/BM28)*	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi ra quyết định thay đổi		Ban TK
F.2.b	24 giờ	CBTT Văn bản chấp thuận của UBCKNN về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi nhận được văn bản		Ban TK
F.2.c	24 giờ	CBTT về việc thay đổi phương	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		án mua lại cổ phiếu *(Mẫu QC.02.01.I/BM29)*	được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu		
F.3	**Thông tin liên quan đến bán cổ phiếu quỹ**				
F.3.a	Theo yêu cầu	Báo cáo UBCKNN và CBTT việc bán cổ phiếu quỹ *(Mẫu QC.02.01.I/BM26)*	Hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong vòng **10 ngày** làm việc kể từ ngày CBTT; - VietinBank được bán cổ phiếu quỹ sau **24 giờ** kể từ khi gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCKNN và CBTT ra thị trường trong trường hợp VietinBank mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.		Ban TK
F.3.b	Theo yêu cầu	CBTT Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ (Mẫu	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ		Ban TK

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		QC.02.01.I/BM27)	phiếu quỹ		
G	Thông tin về đối tượng khác				
G.1	**Thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết**				
G.1.a.	Theo yêu cầu	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank, *(Mẫu QC.02.01.I/BM26)*	CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, HOSE và VietinBank trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Tổ chức, cá nhân có liên quan
G.1.b.	Theo yêu cầu	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại VietinBank khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) *(Mẫu QC.02.01.I/BM27)*	CBTT và báo cáo UBCKNN, HOSE, VietinBank trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Tổ chức, cá nhân có liên quan
G.1.c.	Theo yêu	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có	Thời hạn CBTT áp dụng tương	trước thời hạn CBTT **tối**	Tổ chức, cá nhân có

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
	cầu	liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VietinBank thực hiện CBTT theo *Mẫu QC.02.01.I/BM28* và *Mẫu QC.02.01.I/BM29* căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.	tự như đối với NĐT trong nước quy định tại điểm G.1.a và G.1.b nêu trên.	**thiểu 01 ngày làm việc**	liên quan
G.1.d.	Theo yêu cầu	Sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, VietinBank phải CBTT	Trong thời hạn **03 ngày** làm việc.	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Tổ chức, cá nhân có liên quan
G.2	**Thông tin về giao dịch của người nội bộ và NCLQ của người nội bộ**				
G.2.a.	Theo yêu cầu	- Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ phải CBTT *(Mẫu QC.02.01.I/BM30 hoặc Mẫu QC.02.01.I/BM31)* và báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN,	- Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là **03 ngày** làm việc. - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá **30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do HOSE đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Người nội bộ và NCLQ của Người nội bộ

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		HOSE và VietinBank khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ **50 triệu** đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong tùng tháng từ **200 triệu** đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu VietinBank) hoặc theo giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu VietinBank, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VietinBank), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HOSE (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...):	ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HOSE.		
G.2.b.	Theo yêu cầu	Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã	- Trong thời hạn **05 ngày** làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao	trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Người nội bộ và NCLQ của Người nội bộ

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và Người có liên quan của Người nội bộ phải CBTT *(Mẫu QC.02.01.I/BM32 hoặc Mẫu QC.02.01.I/BM33)* về kết quả giao dịch, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.		
G.2.c.	24 giờ	Công ty chứng khoán là NCLQ của Người nội bộ của VietinBank báo cáo UBCKNN, HOSE và VietinBank khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu VietinBank	Trong thời hạn **24 giờ**, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi	Chậm nhất **trước 15h** của ngày phát sinh sự kiện	Công ty chứng khoán là NCLQ của Người nội bộ của VietinBank
G.2.d.	Theo yêu cầu	Sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Người nội bộ, các Tổ chức chính trị/Tổ chức chính trị - xã	Trong thời hạn **03 ngày** làm việc	Trước thời hạn CBTT **tối thiểu 01 ngày làm việc**	Người nội bộ và NCLQ của Người nội bộ

STT	Loại hình CBTT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Ban TK	Đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin
		hội của VietinBank (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) và NCLQ của Người nội bộ, VietinBank thực hiện CBTT			
G.3	**Giao dịch chào mua công khai**				
G.3.a	Theo yêu cầu	CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức, cá nhân thực hiện việc chào mua công khai cổ phiếu CTG	Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai		Ban TK
G.3.b	Theo yêu cầu	CBTT về đánh giá, khuyến nghị của HĐQT VietinBank đối với đề nghị chào mua công khai	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai		Ban TK

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CAC BIEU MAU CONG BO THONG TIN

(Đính kèm Quy chế Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 085/2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 18/01/2022 của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

STT	BIỂU MẪU	NỘI DUNG	THAM CHIẾU
1	**Mẫu QC.02.01.I/BM01**	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
2	**Mẫu QC.02.01.I/BM02**	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin	Thực hiện theo Biểu số 1, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 47 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
3	**Mẫu QC.02.01.I/BM03**	Bản cung cấp thông tin	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
4	**Mẫu QC.02.01.I/BM04**	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
5	**Mẫu QC.02.01.I/BM05**	Báo cáo thường niên	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
6	**Mẫu QC.02.01.I/BM06**	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
7	**Mẫu QC.02.01.I/BM07**	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 6 tháng	Thực hiện theo mẫu quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
8	**Mẫu QC.02.01.I/BM08**	Báo cáo thực trạng quản	Thực hiện theo mẫu quy định

		trị và cơ cấu tổ chức năm	tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
9	**Mẫu QC.02.01.I/BM09**	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm	Thực hiện theo mẫu quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II Nghị định 47 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
10	**Mẫu QC.02.01.I/BM10**	Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
11	**Mẫu QC.02.01.I/BM11**	Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
12	**Mẫu QC.02.01.I/BM12**	Báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
13	**Mẫu QC.02.01.I/BM13**	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành	Thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
14	**Mẫu QC.02.01.I/BM14**	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành	Thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
15	**Mẫu QC.02.01.I/BM15**	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
16	**Mẫu QC.02.01.I/BM16**	CBTT trước đợt chào bán trái phiếu	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 122 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

17	**Mẫu QC.02.01.I/BM17**	CBTT về kết quả chào bán trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước	Thực hiện theo mẫu số 2.1 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 122 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
18	**Mẫu QC.02.01.I/BM18**	CBTT định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 122 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
19	**Mẫu QC.02.01.I/BM19**	CBTT về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kem chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 122 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
20	**Mẫu QC.02.01.I/BM20**	CBTT về kết quả chào bán trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế	Thực hiện theo mẫu số 2.2 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 122 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
21	**Mẫu QC.02.01.I/BM21**	Bản thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
22	**Mẫu QC.02.01.I/BM22**	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 28 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
23	**Mẫu QC.02.01.I/BM23**	Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
24	**Mẫu QC.02.01.I/BM24**	Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

25	**Mẫu QC.02.01.I/BM25**	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
26	**Mẫu QC.02.01.I/BM26**	Thông báo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 36 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
27	**Mẫu QC.02.01.I/BM27**	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 39 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
28	**Mẫu QC.02.01.I/BM28**	Thông báo quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 37 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
29	**Mẫu QC.02.01.I/BM29**	Thông báo thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 38 ban hành kèm theo Thông tư 118 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
30	**Mẫu QC.02.01.I/BM30**	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
31	**Mẫu QC.02.01.I/BM31**	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
32	**Mẫu QC.02.01.I/BM32**	Báo cáo về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
33	**Mẫu QC.02.01.I/BM33**	Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm

		nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
34	**Mẫu QC.02.01.I/BM34**	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
35	**Mẫu QC.02.01.I/BM35**	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
36	**Mẫu QC.02.01.I/BM36**	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
37	**Mẫu QC.02.01.I/BM37**	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
38	**Mẫu QC.02.01.I/BM38**	CBTT về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế 21 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
39	**Mẫu QC.02.01.I/BM39**	CBTT về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế 21 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)